

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BGDĐT ngày 02/02/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Hoa Sen đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 5507/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Hoa Sen đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Hoa Sen đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-ĐHHS ngày 14/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen về việc mở ngành Tài chính Ngân hàng trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Hoa Sen thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

1. Quản trị kinh doanh (MBA) - Mã ngành: 8340101

- 03 hướng ngành: Quản trị Kinh doanh, Quản trị Marketing và Quản trị Truyền thông.

- Thời gian đào tạo: 18 tháng.

- Hình thức đào tạo: Chính quy.

- Học phí: chi tiết theo thông báo học phí của Nhà trường.

2. Ngôn ngữ Anh (MAE) - Mã ngành: 8220201

- Thời gian đào tạo: 24 tháng.

- Hình thức đào tạo: Chính quy.

- Học phí: chi tiết theo thông báo học phí của Nhà trường.

3. Tài chính Ngân hàng (MFB) – Mã ngành: 8340201

- Thời gian đào tạo: 18 tháng.
- Học phí: Chi tiết theo thông báo học phí của trường.

4. Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (MAT) – Mã ngành: 8810103

- Thời gian đào tạo: 18 tháng.
- Học phí: Chi tiết theo thông báo học phí của trường.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

1. Đối tượng:

1.1. Yêu cầu chung:

Thí sinh đã tốt nghiệp Đại học thuộc các chương trình đã được kiểm định chất lượng được đánh giá bởi các tổ chức quốc tế hoặc được Cục quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDDT) công nhận.

1.2. Yêu cầu về văn bằng:

1.2.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Thí sinh tốt nghiệp Đại học thuộc các ngành phù hợp và hoàn thành điều kiện bổ sung theo danh mục sau:

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Kinh tế đại cương	Quản trị học	Marketing căn bản	Tài chính tiền tệ	Nguyên lý kế toán
73401	Kinh Doanh	Được miễn học bổ sung kiến thức				
7340101	Quản trị kinh doanh					
7340115	Marketing	Miễn	Miễn	Miễn	x	x
7340116	Bất động sản	Miễn	Miễn	Miễn	x	x
7340120	Kinh doanh quốc tế	Miễn	Miễn	Miễn	x	x
7340121	Kinh doanh thương mại	Miễn	Miễn	Miễn	x	x
7340122	Thương mại điện tử	Miễn	Miễn	Miễn	x	x
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	Miễn	Miễn	Miễn	x	x
73402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm					
7340201	Tài chính - Ngân hàng	Miễn	Miễn	x	Miễn	x
7340204	Bảo hiểm	Miễn	Miễn	x	Miễn	x
7340205	Công nghệ tài chính	Miễn	Miễn	x	Miễn	x
73403	Kế toán - Kiểm toán					
7340301	Kế toán	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340302	Kiểm toán	Miễn	Miễn	x	x	Miễn

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Kinh tế đại cương	Quản trị học	Marketing căn bản	Tài chính tiền tệ	Nguyên lý kế toán
73404	Quản trị - Quản lý					
7340401	Khoa học quản lý	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340403	Quản lý công	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340404	Quản trị nhân lực	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340406	Quản trị văn phòng	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340408	Quan hệ lao động	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
7340409	Quản lý dự án	Miễn	Miễn	x	x	Miễn
	Các ngành đào tạo khác đồng thời học viên có kinh nghiệm làm việc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, Quản trị, quản lý*.	x	x	x	x	x

1.2.2. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Thí sinh tốt nghiệp Đại học thuộc các ngành phù hợp và hoàn thành điều kiện bổ sung theo danh mục sau:

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Ngữ âm & Âm vị học	Ngữ nghĩa học	Hình thái học & Cú pháp Tiếng Anh	Nhập môn Biên phiên dịch	Nhập môn Giảng dạy Tiếng Anh
7220201	Ngôn ngữ Anh	Được miễn học bổ sung kiến thức				
7220201	Tiếng Anh					
7220201	Ngữ văn Anh					
7140231	Sư phạm Tiếng Anh					
7229020	Ngôn ngữ học	x	x	x	Miễn	x
	Các ngành đào tạo khác đồng thời học viên có kinh nghiệm làm việc trong môi trường sử dụng Tiếng Anh*.	x	x	x	x	x

1.2.3. Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Thí sinh tốt nghiệp Đại học thuộc các ngành phù hợp và hoàn thành điều kiện bổ sung theo danh mục sau:

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Tài chính – Doanh nghiệp	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	Phân tích báo cáo tài chính	Kinh tế đại cương	Nguyên lý kế toán
73402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm					
7340201	Tài chính - Ngân hàng	Được miễn học Bổ sung kiến thức				
7340204	Bảo hiểm	Được miễn học Bổ sung kiến thức				
7340205	Công nghệ tài chính	Được miễn học Bổ sung kiến thức				
73402	Kinh doanh					
7340101	Quản trị kinh doanh	x	x	x	Miễn	Miễn
7340215	Marketing	x	x	x	Miễn	Miễn
7340216	Bất động sản	x	x	x	Miễn	Miễn
7340220	Kinh doanh quốc tế	x	x	x	Miễn	Miễn
7340221	Kinh doanh thương mại	x	x	x	Miễn	Miễn
7340222	Thương mại điện tử	x	x	x	Miễn	Miễn
7340223	Kinh doanh thời trang và dệt may	x	x	x	Miễn	Miễn
73403	Kế toán - Kiểm toán					
7340301	Kế toán	x	x	x	Miễn	Miễn
7340302	Kiểm toán	x	x	x	Miễn	Miễn
73404	Quản trị - Quản lý					
7340401	Khoa học quản lý	x	x	x	Miễn	Miễn
7340403	Quản lý công	x	x	x	Miễn	Miễn
7340404	Quản trị nhân lực	x	x	x	Miễn	Miễn
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	x	x	x	Miễn	Miễn

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Tài chính – Doanh nghiệp	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	Phân tích báo cáo tài chính	Kinh tế đại cương	Nguyên lý kế toán
7340406	Quản trị văn phòng	x	x	x	Miễn	Miễn
7340408	Quan hệ lao động	x	x	x	Miễn	Miễn
7340409	Quản lý dự án	x	x	x	Miễn	Miễn
	Các ngành đào tạo khác đồng thời học viên có kinh nghiệm làm việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính *.	Miễn	x	Miễn	x	x
	Các ngành đào tạo khác đồng thời học viên có kinh nghiệm làm việc liên quan đến lĩnh vực Ngân hàng*.	x	Miễn	Miễn	x	x

1.2.4. Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Thí sinh tốt nghiệp Đại học thuộc các ngành phù hợp và hoàn thành điều kiện bổ sung theo danh mục sau:

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Lịch sử và văn hóa Việt Nam	Xây dựng và phát triển chương trình du lịch	Quản trị lữ hành	Tổng quan du lịch và khách sạn - nhà hàng	Kinh tế học trong du lịch và khách sạn - nhà hàng
78101	Du lịch					
7810101	Du lịch	Được miễn học Bổ sung kiến thức				

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Lịch sử và văn hóa Việt Nam	Xây dựng và phát triển chương trình du lịch	Quản trị lữ hành	Tổng quan du lịch và khách sạn - nhà hàng	Kinh tế học trong du lịch và khách sạn - nhà hàng
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Được miễn học Bổ sung kiến thức				
78102	Khách sạn, nhà hàng					
7810201	Quản trị khách sạn	x	x	x	Miễn	Miễn
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	x	x	x	Miễn	Miễn
73401	Kinh doanh					
7340101	Quản trị kinh doanh	x	x	x	Miễn	Miễn
7340115	Marketing	x	x	x	Miễn	Miễn
7340116	Bất động sản	x	x	x	Miễn	Miễn
7340120	Kinh doanh quốc tế	x	x	x	Miễn	Miễn
7340121	Kinh doanh thương mại	x	x	x	Miễn	Miễn
7340122	Thương mại điện tử	x	x	x	Miễn	Miễn
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	x	x	x	Miễn	Miễn
73402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm					
7340201	Tài chính - Ngân hàng	x	x	x	Miễn	Miễn
7340204	Bảo hiểm	x	x	x	Miễn	Miễn

Mã ngành	Ngành phù hợp	Danh sách các môn bổ sung kiến thức				
		Lịch sử và văn hóa Việt Nam	Xây dựng và phát triển chương trình du lịch	Quản trị lữ hành	Tổng quan du lịch và khách sạn - nhà hàng	Kinh tế học trong du lịch và khách sạn - nhà hàng
7340205	Công nghệ tài chính	x	x	x	Miễn	Miễn
73403	Kế toán - Kiểm toán					
7340301	Kế toán	x	x	x	Miễn	Miễn
7340302	Kiểm toán	x	x	x	Miễn	Miễn
73404	Quản trị - Quản lý					
7340401	Khoa học quản lý	x	x	x	Miễn	Miễn
7340403	Quản lý công	x	x	x	Miễn	Miễn
7340404	Quản trị nhân lực	x	x	x	Miễn	Miễn
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	x	x	x	Miễn	Miễn
7340406	Quản trị văn phòng	x	x	x	Miễn	Miễn
7340408	Quan hệ lao động	x	x	x	Miễn	Miễn
7340409	Quản lý dự án	x	x	x	Miễn	Miễn
	Các ngành đào tạo khác đồng thời học viên có kinh nghiệm làm việc liên quan đến lĩnh vực Du lịch và Lữ hành*.	x	x	x	x	x

Lưu ý:

- Các môn đánh dấu x là môn BSKT ứng viên phải hoàn thành.
- (*) Các trường hợp đặc biệt sẽ do Giám đốc chương trình hoặc Lãnh đạo Viện Sau đại học và Lãnh đạo xem xét. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH:

1. Kế hoạch tuyển sinh:

- Đăng ký hồ sơ xét tuyển: đến hết ngày **23/03/2026**.
- Công bố kết quả thi, danh sách trúng tuyển: 14/04/2026 (dự kiến).
- Khai giảng: 14/05/2026 (dự kiến).

2. Phương thức tuyển sinh:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo **mục III** của thông báo này.
- Thí sinh đạt các tiêu chí xét tuyển đều có thể nộp hồ sơ xét tuyển.

2.1. Thông tin xếp loại tốt nghiệp hoặc bằng điểm tốt nghiệp của Thí sinh ở bậc đại học:

Tổng điểm đánh giá tối đa: **45 điểm**

- Xếp loại Trung bình, Trung bình - Khá hoặc điểm trung bình tích lũy từ 5,0 đến 6,9: 30 điểm
- Xếp loại Khá hoặc điểm trung bình tích lũy từ 7,0 đến 7,9: 35 điểm
- Xếp loại Giỏi hoặc điểm trung bình tích lũy từ 8,0 đến 8,9: 40 điểm
- Xếp loại Xuất sắc hoặc điểm trung bình tích lũy từ 9,0 đến 10,0: 45 điểm

Lưu ý: Điểm trung bình chung tích lũy tốt nghiệp được làm tròn 1 chữ số thập phân (Ví dụ: 6,95 làm tròn thành 7,0 và được tính 35 điểm ở mục này).

2.2. Bài luận đầu vào thạc sĩ: Thí sinh chọn chủ đề theo chuyên ngành đăng ký để hoàn thành bài luận. Điểm số cho bài luận được chấm theo thang điểm tối đa là 50 điểm với các tiêu chí sau:

- Cấu trúc bài viết
- Kỹ năng tổng hợp thông tin
- Kỹ năng phân tích & lập luận
- Sự sáng tạo

2.2.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành:

Chủ đề: Hãy cho biết lý do bạn tiếp tục con đường học tập với chương trình Thạc sĩ và định hướng nghề nghiệp tương lai của bạn sau khi hoàn thành chương trình Thạc sĩ này.

Hình thức: bài viết từ 1.500 đến 3.000 từ, bằng tiếng Việt.

2.2.2. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Chủ đề: Write a 1.000 - 2.000 word essay to illustrate your career vision and reasons for pursuing the Master of Arts in English Studies degree at Hoa Sen University.

Hình thức: bài viết từ 1.000 đến 2.000 từ, bằng tiếng Anh.

2.3. Tiêu chí khác:

- Các giải thưởng cấp Quốc gia: + 5 điểm
- Đã tham gia bài báo khoa học được các tổ chức uy tín công nhận: + 5 điểm
- Đã tốt nghiệp chương trình tiến sĩ, thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở đào tạo quốc tế uy tín hoặc các cơ sở đào tạo trong nước được Bộ GDĐT công nhận: + 5 điểm

Lưu ý:

- Mỗi tiêu chí được cộng tối đa 5 điểm; Điểm cộng tối đa là 15 điểm.
- Sau khi cộng điểm, điểm đánh giá cuối cùng không được quá 100 điểm (nếu vượt quá sẽ được làm tròn thành 100 điểm).

3. Yêu cầu về Ngoại ngữ:

Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hoa Sen là một trong các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc và tiếng Nhật.

Thí sinh có thể làm đơn đề nghị Hội đồng tuyển sinh xem xét trong trường hợp sử dụng ngoại ngữ khác các ngôn ngữ trên.

3.1. Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng và Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành:

Thí sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau trình độ ngoại ngữ:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Hoa Sen cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.2. Đối với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh:

Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp Đại học các ngành: Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh, Ngữ văn Anh hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Bảng quy đổi chứng chỉ trình độ Ngoại ngữ (xem phụ lục trong thông báo này) hoặc các chứng chỉ tiếng Anh tương đương khác do Bộ GDĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Đáp ứng một trong các điều kiện sau về Ngoại ngữ khác (là ngôn ngữ khác tiếng Anh):

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ do Trường Đại học Hoa Sen cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GDĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

IV. HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ:

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

- Bài luận theo yêu cầu Khoản 2.2 Mục II. của thông báo này;
- Đăng ký thông tin xét tuyển tại: <http://xettuyencaohoc.hoasen.edu.vn/>;
- Bản sao (*) văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong vòng 3 tháng;
- Bản sao (*) giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý Chất lượng với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;

- Bản sao (*) kết quả học tập ở bậc đại học có ghi rõ tên môn học, số tiết, điểm thi từng môn;

- Lý lịch cá nhân có dán ảnh và được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, đóng dấu giáp lai ảnh;

- Bản sao (*) chứng chỉ Ngoại ngữ (nếu có);

- Giấy xác nhận thâm niên công tác;

- Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Giấy khám sức khỏe không quá 3 tháng;

- 3 ảnh chân dung 3x4 được chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (ghi họ tên, ngày sinh vào sau ảnh, để trong 1 phong bì);

- Bản sao (*) chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân;

- Bản sao (*) giấy khai sinh;

(*) *Thí sinh nộp bản photo có công chứng sao y.*

2. Xét Bổ sung kiến thức:

- Kết quả xét miễn / đăng ký học Bổ sung kiến thức do Viện trưởng / Phó Viện trưởng / Giám đốc Chương trình xét duyệt theo quy định về các ngành phù hợp và chứng nhận, bảng điểm có liên quan của thí sinh.

- Viện Sau đại học và Lãnh đạo gửi lại kết quả cho thí sinh trong vòng 01 tuần sau khi nhận đầy đủ các hồ sơ liên quan. Thí sinh có thể làm đơn miễn học Bổ sung kiến thức kèm các minh chứng để Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt trong thời gian 02 tuần sau khi nhận được kết quả.

3. Lệ phí dự tuyển:

- Lệ phí xét tuyển: 1.000.000 VNĐ / hồ sơ

- Học phí bổ sung kiến thức: 1.500.000 VNĐ / môn

Lưu ý: Lệ phí xét tuyển không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào.

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN:

1. Đối tượng ưu tiên:

- **ĐT1:** Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- **ĐT2:** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- **ĐT3:** Con liệt sĩ;

- **ĐT4:** Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- **ĐT5:** Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định trong mục đối tượng ĐT1 trong mục này;
- **ĐT6:** Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Điểm ưu tiên:

- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 10 điểm vào tổng điểm đánh giá.
- Thí sinh chỉ được áp dụng tối đa một hạng mục đối tượng ưu tiên.

VI. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN:

- Thí sinh phải đạt tổng điểm đánh giá (hồ sơ + bài luận) từ 50 điểm trở lên; trong đó điểm tối thiểu cho Tiêu chí Kết quả tốt nghiệp Đại học là 25 điểm; điểm tối thiểu cho Bài luận là 25 điểm.
- Đạt yêu cầu về Ngoại ngữ đầu vào được quy định tại **mục III.3. Yêu cầu về Ngoại ngữ** trong Thông báo này hoặc đạt tối thiểu 50% thang điểm của kì thi đánh giá môn ngoại ngữ.

VII. ĐỊA ĐIỂM LIÊN HỆ TƯ VẤN VÀ NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ:

Thí sinh liên hệ **Viện Sau Đại học và Lãnh đạo - Trường Đại học Hoa Sen:**

- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Văn Tráng, P. Bến Thành, TP. HCM.
- Điện thoại: 028 7309 1991 - EXT: 4752
- Hotline: 070 7272 803
- Email: caohoc@hoasen.edu.vn
- Website: <https://hoasen.edu.vn/saudaihoc>
- Facebook: www.facebook.com/caohochoasen

Thời gian làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu (Buổi sáng: từ 08:00 đến 12:00; Buổi chiều: từ 13:00 đến 17:00.)

Nơi nhận:

- Thí sinh;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, V.SDH&LĐ.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN HỮU HUY NHẬT

PHỤ LỤC

BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

(Đính kèm Thông báo số: 69./TB-ĐHHS, ngày 12 tháng 01, năm 2026)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ / Thang điểm	
			(Tương đương bậc 3)	(Tương đương bậc 4)
1	Tiếng Anh	VSTEP	Bậc 3	Bậc 4
		TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary / B1 Business Preliminary / Linguaskill Thang điểm: 140 - 159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
		APTIS ESOL	Overall CEFR: B1	Overall CEFR: B2
		PTE Academic (Áp dụng các chứng chỉ được cấp từ ngày 30/08/2024)	43 - 58	59 - 75
2	Tiếng Pháp	CIEP / Alliance Française Diplomas	TCF: 300 - 399 DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institute	Goethe - Zertifikat B1	Goethe - Zertifikat B2
		The German TestDaF Language	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1 (TRKI-1)	ТРКИ-2

Lưu ý:

- Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với người học phải cùng một ngôn ngữ.
- Chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đã được BGD&ĐT phê duyệt cho phép liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, căn cứ theo danh sách công bố trên cổng thông tin

điện tử của BGD&ĐT và trang thông tin điện tử của Cục Quản lý chất lượng. Ứng viên có thể tra cứu thông tin tại trang <https://moet.gov.vn/> đối với các chứng chỉ quốc tế hoặc trang <https://vqa.moet.gov.vn/> đối với chứng chỉ VSTEP (Vietnamese Standardized Test of English Proficiency – Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

– Chứng chỉ phải còn thời hạn tối thiểu 30 ngày tính từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ phục vụ cho công tác xét tuyển (Kỳ tuyển sinh Thạc sĩ đợt 3/2025 nhận các chứng chỉ còn thời hạn hiệu lực đến trước ngày 24/12/2025). Đối với các chứng chỉ không ghi thời gian hiệu lực, Trường quy định chứng chỉ có hiệu lực là 02 năm tính từ ngày chứng chỉ được cấp.

